

Số: 4334/TTr-UBND

Bình Dương, ngày 14 tháng 11 năm 2016

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 15-11-2016
	Ngày 15-11-2016
	Chuyên:

TỜ TRÌNH

Về việc thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Xét Tờ trình số 848/TTr-STNMT ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng một số loại phí trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 25 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã ban hành Luật phí và lệ phí thay thế Pháp lệnh phí và lệ phí năm 2001 và Luật phí và lệ phí có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Để triển khai thực hiện Luật Phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Do đó, việc ban hành quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng một số loại phí trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương nhằm thực hiện đúng Luật Phí và lệ phí, các văn bản hướng dẫn thi hành luật là cần thiết.

II. Nội dung thu phí

1. Tên phí: Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Mức thu các loại phí

Stt	Loại phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất:		

	- Lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	Đề án	1.100.000
	- Lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	Đề án	2.600.000
	- Lưu lượng từ 1.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Đề án	5.000.000
2	Phí thăm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:		
	- Lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	Báo cáo	1.400.000
	- Lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	Báo cáo	3.400.000
	- Lưu lượng từ 1.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Báo cáo	6.000.000
3	Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt:		
	- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m ³ /ngày đêm.	Đề án	600.000
	- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m ³ /giây đến dưới 0,5m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Đề án	1.800.000
	- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m ³ /giây đến dưới 1m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000m ³ /ngày đêm.	Đề án	4.400.000
	- Cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m ³ /giây đến dưới 2m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm.	Đề án	8.400.000
4	Phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước:		
	- Lưu lượng dưới 100 m ³ /ngày đêm	Đề án	600.000
	- Lưu lượng từ 100 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	Đề án	1.800.000
	- Lưu lượng từ 500 đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm	Đề án	4.400.000

	- Lưu lượng từ 2.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Đề án	8.400.000
	- Lưu lượng trên 10.000 đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.	Đề án	11.600.000
	- Lưu lượng từ 20.000 đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.	Đề án	14.600.000
5	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa và nhỏ).	Hồ sơ	1.400.000

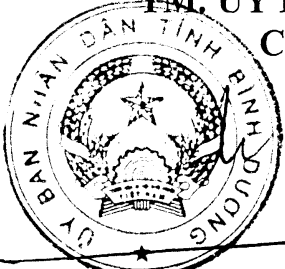
3. Quản lý và sử dụng phí:

Các loại phí nêu trên là khoản thu ngân sách Nhà nước. Cơ quan trực tiếp thu phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ 3 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. TU; TT.HĐND;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- VP. TU; Đoàn ĐB QH - HĐND tỉnh;
- Sở: TNMT, TC;
- LĐVP (Lg), Tn, TH;
- Lưu: VT. ✓


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm